



CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C
PHÒNG THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG LAS-XD 19.003

Add. B25, Đường D11, KP.Bình Thành, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

Tel/Fax: 0967 666 899 ; Email: cqcdongnai@gmail.com

HỒ SƠ

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

THÍ NGHIỆM



NĂM 2026

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT CÔNG TY

Tên công ty: **CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C**

1. **Địa chỉ trụ sở chính:** B25, Đường D11, KP.Bình Thành, phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai.

- Số điện thoại/Fax: 0967 666 899
- Mã số thuế : 3602890796.
- Email : cqcdongnai@gmail.com
- Số tài khoản số : 1019403529 tại SHB Biên Hòa - CN Đồng Nai.
5900201011970 tại Agribank Đồng Nai.

2. **Nước và năm thành lập:**

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C được thành lập năm 2012. tại thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai, Nước Việt Nam.

Các ngành kinh doanh chính:

- Khảo sát địa chất, địa hình công trình xây dựng.
- Thi công công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông.
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và chất lượng công trình.
- Giám sát, thiết kế, thẩm tra công trình dân dụng và công nghiệp.
- Giám sát, thiết kế, thẩm tra công trình giao thông.
- Giám sát, thiết kế, thẩm tra công trình thủy lợi.
- Đánh giá tác động môi trường.
- Quan trắc lún, nghiêng, xoay công trình xây dựng.
- Kiểm định chất lượng công trình.
- Chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng.

3. **Vốn điều lệ :** 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3602890796

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 08 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 11 tháng 12 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

B25, D11, Khu phố Bình Thành, Phường Trán Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0967666899

Số Fax:

Thư điện tử: cqcdongnai@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN ĐÌNH HUY

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 05/11/2000

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 066200010023

Địa chỉ liên lạc: 9/2B, Tổ 20C, Khu phố 3, Phường Trán Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN ĐÌNH HUY

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 05/11/2000

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 066200010023

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 9/2B, Tổ 20C, Khu phố 3, Phường Trán Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

Đồng Nai, ngày 27 tháng 11 năm 2025

Số:



119704/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở: 108 đường Hà Huy Giáp, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0948.344.768/0251.885.0777 Số Fax:
0251 394 1718

Thư điện tử: dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Mã số doanh nghiệp: 3602890796

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): NGUYỄN ĐÌNH HUY Điện thoại: 0967666899
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: NGUYỄN THỊ THANH MAI Điện thoại: 0967666899
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: B25, D11, Khu phố Bình Thành, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: 0967666899 Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12

6	Tổng số lao động: 5
7	Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>

Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	
								Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ	Quyền chi phối
1	NGUYỄN ĐÌNH HUY	05/11/2000	Nam	066200010023	Việt Nam	Kinh	9/2B, Tổ 20C, Khu phố 3, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100,00	

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C. Địa
chỉ: B25, D11, Khu phố Bình Thành,
Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt
Nam

.....;

- Lưu: Lê Anh Tuấn.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG
Số: 03 /GCN-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 24/2014/NĐ-CP quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 03/2022/TT-BXD ngày 27/09/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung chỉ tiêu trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng C.Q.C kèm theo thủ tục hành chính (mã hồ sơ: 000.00.14.H19-240319-0002 ngày 19 tháng 03 năm 2024; Thời gian trả kết quả: ngày 08 tháng 04 năm 2024) của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Sở Xây dựng - Trung tâm hành chính công tỉnh;

Xét Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 26/03/2024 của Đoàn đánh giá Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

CHỨNG NHẬN

1. Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng C.Q.C.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 3602890796 cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 08 năm 2012, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 08 năm 2023 cơ quan cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: B25, đường D11, KP1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0967666899.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và Kiểm định xây dựng C.Q.C.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: B25, đường D11, KP1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS - XD 19.003.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV KĐXD C.Q.C;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Giám đốc Sở;
- VP đăng thông tin (website Sở);
- Lưu: VT, QLCLXD.Trường



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Hoàng

PHỤ LỤC

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM ĐĂNG KÝ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG C.Q.C**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 03 /GCN-SXD, ngày 03 tháng 04 năm 2024
của Sở Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	- Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009; ASTM C183; AASHTO T127
	- Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C184; C188; C204; AASHTO T133; T153; T192; BS EN 196-6; JIS R5201
	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109; C348; AASHTO T106; BS EN 196-1; JIS R5201; ISO 679
	- Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187; C191; AASHTO T131; BS EN 196-3; JIS R 5201; ISO 9597
	- Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005; ASTM C186; BS EN 196-8; JIS R5203
2	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	- Lấy mẫu, chế tạo và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C172; AASHTO T141; T23; T126; BS 1881
	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M; AASHTO T119; BS 1881 P.102; BS EN 12350-2; JIS A 1101; ISO 1920-2
	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 1993; ASTM C138; AASHTO T121-11; BS EN 12350-6: 09; BS1881 P.107; JIS A 1116
	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022; ASTM C232; AASHTO T158; BS EN 12350-4; BS EN 480 - 4; JIS A1123
	- Thí nghiệm phân tích thành phần bê tông	TCVN 3110: 1993
	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642; BS EN 12390-7; BS 1881 P.114
	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022; ASTM C642; BS 1881 P.112
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022; ASTM C642; BS EN

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		12390-7;
	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; C42; AASHTO T22; T140; T24/T24M; BS 1881 P.119; P116; BS EN 12390-3; BS EN 12504-1; JIS A 1108; A1107; AS 1012.9
	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293; C78; AASHTO T97; T177; BS EN 12390-5; JIS A 1106; JIS A 1114
	- Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198; BS EN 12390-6; JIS A 1113
	- Xác định hàm lượng ion Clo trong bê tông	TCVN 7572-15:2006; ASTM C1152/C1152M; ASTM C1218/C1218M; AASHTO T260; JIS A 1154
	- Xác định cường độ lắng trụ và môđun đàn hồi	TCVN 5726:2022; ASTM C469; JIS A 1127; A 1149
	- Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A 1156;
	- Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông bằng phương pháp bàn dẫn	BS EN 12350-5; JIS A1150:07
	- Xác định thành phần cấp phối bê tông	QĐ Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998
	- Xác định thành phần bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382: 2012
	- Xác định hệ số khuếch tán Clorua biểu kiến theo chiều sâu khuếch tán.	TCVN 9492:2012; ASTM C1556-11a
	- Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239:2006
3	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	- Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006; AASHTO T2
	- Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; D546 AASHTO T27; BS 812 P.103; EN 933-1; JIS A 1102
	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128; AASHTO T84; T85; BS EN 1097-6; JIS A 1109; A 1110
	- Xác định khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T 85
	- Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M; AASHTO T19/T19M; BS EN 1097-3; JIS A1104

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255; JIS A 1125; BS EN 1097-5
	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142; ASTM C117; JIS A1137; AASHTO T112
	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21; JIS A 1105
	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938; JIS M 0302
	- Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; C535; AASHTO T96; AASHTO T327; JIS A 1121
	- Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D 4791; AASHTO T335; BSEN 933-3
	- Xác định khả năng phản ứng kiềm – Silic	TCVN 7572-14:2006; AASHTO T260; JIS A 1146
	- Xác định hàm lượng ion Cl ⁻	TCVN 7572-15 : 2006; BS EN 1744-5
	- Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu	TCVN 7572-16 : 06; BS EN 1744-1
	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	- Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
	-Xác định hệ số đương lượng (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
	- Xác định độ ăn mòn hóa học Xác định độ bền của cốt liệu ngâm trong môi trường sun phát	AASHTO T104; ASTM C88/C88M; EN 1367-2; JIS A 1122
	- Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	AASHTO T113; ASTM C123
	- Xác định độ trơn trượt do mài mòn	BS EN 1097-8; ASTM D3319; AASHTO T279
	- Xác định hàm lượng nhỏ hơn 0,075mm bằng phương pháp rửa	AASHTO T11
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG	
	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN3121-1: 2022; BS EN 1015-1
	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022;
	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022; BS EN 1015-10
	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109; BS EN 1015
	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18: 2022; ASTM C1403; BS EN 1015-18
	- Xác định khả năng hút ẩm của vữa	BS EN 1015
5	GẠCH ĐÁT SÉT NUNG	
	- Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu	TCVN 6355:2009;

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	nén, uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ rỗng.	ASTM C67
6	GẠCH BÊ TÔNG	
	- Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ rỗng; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016 ASTM C140, ASTM C426
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355:2009
7	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	- Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ chịu nén;	TCVN 6476:1999
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355:2009
8	SẢN PHẨM BÊ TÔNG BỌT VÀ BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP	
	- Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Cường độ nén; Khối lượng thể tích khô; Độ co ngót khô; Độ hút nước	TCVN 9030:2017
9	SẢN PHẨM BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP AAC	
	- Xác định kích thước; Cường độ nén; Khối lượng thể tích khô; Xác định độ co khô	TCVN 7959:2017
10	GẠCH TERAZO	
	- Xác định độ bền uốn	TCVN 6355:2009
11	BÓ VỈA BÊ TÔNG ĐÚC SẴN	
	- Xác định cường độ bê tông	TCVN 3118:2022
	- Xác định kích thước và mức sai lệch cho phép	TCVN 10797:2015
	- Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
12	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO TRÊN CƠ SỞ LIÊN KẾT HỮU CƠ	
	- Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 8057:2009
13	ĐÁ ỐP, LÁT TỰ NHIÊN	
	- Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn	TCVN 6415:2016; ISO 10545
14	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854; AASHTO T100
	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; ASTM D4959
	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM D1140; ASTM D422; AASHTO T27; T88
	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor	TCVN 4201:2012; 22 TCN 333: 06; TCVN 2790:2020; ASTM D1557; ASTM D698; AASHTO T99; T180; BS 1377-2
	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	- Xác định sức chịu tải của vật liệu nền, móng mặt đường (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193; JIS A1211
	- Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012;
	- Xác định tính tan rã của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8718:2012; ASTM D4647
	- Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719 :2012; ASTM D4546
	- Xác định đặc trưng co ngót, của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	- Xác định tổng lượng muối hòa tan trong đất	TCVN 872:2012
	- Xác định dung trọng và khối lượng thể tích lớn nhất của đất sử dụng bàn rung	ASTM D4253
	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89; T90
	- Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166
	- Xác định sức kháng cắt không cố kết, không thoát nước và cố kết, thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
	- Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; JIS A1218
15	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	- Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	TCN 8730:2012; TCVN 12791 2020; 22TCN 02:71; TCVN 8728: 2012; TCVN 8729: 2012; ASTM D2937; AASHTO T204
	- Xác định độ chặt của nền, móng đường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012; ASTM D1556; AASHTO T191
	- Xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	- Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
	- Xác định môđun đàn hồi "E" chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
	- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586
	- Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354: 2012; ASTM D 4395
	- Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	- Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012
	- Xác định độ lún công trình xây dựng bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
	- Thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	- Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	- Xác định chuyển dịch bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012
	- Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
	- Thí nghiệm thấm trong hố khoan (đổ nước)	TCVN 8731: 2012
	- Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	- Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:94
	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9355:2012
	- Xác định độ đồng nhất bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9357:2012
	- Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
16	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	- Thử kéo	TCVN 197:2014
	- Thử uốn	TCVN 198:2008
	- Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại- Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	- Thép thanh cốt thép bê tông - thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997;

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		ISO 10065
	- Thử cấp độ bền ren của bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370; ASTM F606
	- Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực (thử kéo, thử uốn, thử uốn lại)	TCVN 7937-3:2013; ISO 15630-3
17	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927; AASHTO T245
	- Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164
	- Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T172
	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209
	- Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166; AASHTO T275
	- Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011; AASHTO T305
	- Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304
	- Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017 AASHTO T326
	- Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; ASTM D3203:11; AASHTO T269: 11
	- Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	- Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	- Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245
	- Xác định thành phần bê tông nhựa theo phương pháp Marshall	TCVN 8820: 2011
18	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
	- Bitum-Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM D140;
	- Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5; AASHTOT49
	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D 113; AASHTO T51
	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:2005; ASTM D6; AASHTO T47
	- Xác định lượng hòa tan trong Tricloretylen	TCVN 7500:2005, ASTM D2042; AASHTO T44
	- Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625;
	- Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36; AASHTO T53
	- Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng Thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92; AASHTO T48
	- Xác định khối lượng riêng (PP Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D70; AASHTO T228

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	- Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170; AASHTO T201
	- Xác định hàm lượng paraffin	TCVN 7503:2005; DIN EN 12606-1
19	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	- Thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số háo nước; Hệ số thích nước	22 TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020
	- Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:1984
	- Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984; TCVN 8735:2012
	- Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020
20	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
	- Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
21	THỬ NGHIỆM NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXÍT	
	- Xác định độ nhớt Saybolt	TCVN 8817-2 :2011; ASTM D244; AASHTO T59
	- Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011; ASTM D6930; AASHTO T59
	- Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4: 2011
	- Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-60:2011; ASTM D6936; AASHTO T59
	- Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7: 2011;
	- Xác định độ bám dính và tính chịu nước	TCVN 8817-8 :2011; ASTM D244; AASHTO T59
	- Nhận biết nhũ tương nhựa đường phân tách nhanh	TCVN 8817-11: 2011
	- Xác định trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13: 2011
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14: 2011
	- Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15; 2011
22	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	- Xác định hàm lượng cặn không tan; muối hoà tan	TCVN 4560:1988; AASHTO T26
	- Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996; ASTM D512-04
	- Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996; ASTM D516
	- Xác định chỉ số Permanganat	TCVN 6186: 1996
	- Xác định độ pH	TCVN 6492:2011

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đây đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



**BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC
CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING
ASSOCIATIONS
SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Chữ ký của người làm việc

Số hiệu chứng chỉ
1672216/VKHCN

Số vào sổ: 1672216
Ngày 22 tháng 07 năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông: **NGUYỄN MINH TUẤN**

Ngày sinh: 15 - 06 - 1984

Quê quán: Quảng Trị

Đã tốt nghiệp khoá đào tạo về:

Quản lý phòng thí nghiệm

Do Viện Khoa Học Công nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 07 năm 2016

Kết quả học tập: **Đạt loại Giỏi**

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2016

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. *Phùng Văn Lợi*

VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING
ASSOCIATIONS
SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ
1662230/VKHCN

Số vào sổ: 1662230
Ngày 22 tháng 06 năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông: NGUYỄN MINH TUẤN

Ngày sinh: 15 - 06 - 1984

Quê quán: Quảng Trị

Đã tốt nghiệp khoá đào tạo về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Gạch và

Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường

Do Viện Khoa Học Công nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 06 năm 2016

Kết quả học tập: Đạt loại Khá

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2016



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

★ PHÓ VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. *Phùng Văn Lưu*

HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỀ
TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

Ông: Nguyễn Minh Tuấn

Sinh ngày: 15/06/1984

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo
Nhận thức chung về Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm
theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại Hà Nội

Số: 0283/2021/ĐT/VACI

VIỆN TRƯỞNG



TS. Hoàng Hữu Thám

HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỀ
TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

Ông: Lê Mạnh Cường

Sinh ngày: 21/02/1992

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo
Nhận thức chung về Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm
theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại Hà Nội

Số: 0284/2021/ĐT/VACI

VIỆN TRƯỞNG



TS. Hoàng Hữu Thám

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN



(Chữ ký của người được cấp)



Chúng nhận ông/bà: *Lê Mạnh Cường*

Ngày sinh: 21/02/1992

Nơi thường trú: *Đồng Nai*

Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật CTXD*

Đã hoàn thành chương trình: *Bồi dưỡng nghiệp vụ*

Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT

Khoá: 73 Thời gian tổ chức: 21/9 ÷ 23/9/2020

Tại: *Thành phố Hồ Chí Minh*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Số CMT (hoặc hộ chiếu): 272875380

Ngày cấp: 30/11/2016 Nơi cấp: Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam

Số: 05.K73.20/QLPTN

TS. Đào Huy Hoàng

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp



Số hiệu chứng chỉ: 201505052/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : **LÊ MẠNH CƯỜNG**

Ngày sinh : 21 - 02 - 1992

Quê quán : Thanh Hoá

Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thí nghiệm kiểm tra tính toàn vẹn của cọc Bê tông cốt thép

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 22/12/2015 đến 29/12/2015

Kết quả học tập: **Khá**

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015



VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. Phùng Văn Lưu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

cấp

CHỨNG CHỈ SỞ CẤP

Cho: *Lê Mạnh Cường*

Sinh ngày: *21/02/1992*

Đã hoàn thành chương trình: **Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng**

Từ ngày *10* tháng *04* năm *2017* đến ngày *03* tháng *07* năm *2017*

Xếp loại: *Giỏi*

TP. Hồ Chí Minh, ngày *05* tháng *07* năm *2017*

Theo QĐ số 08/CNĐKHD_SLĐT BXH

Số hiệu: *01/K29TNCNXD*

Số vào sổ cấp chứng chỉ: *01/AviaSTI*



VIỆN TRƯỞNG

Ts. Nguyễn Văn Lý

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: **LE MANH CUONG**
Has successfully passed Training Course on
Testing the quality of concrete by non-destructive methods
In April 2022

Ref.N^o:04169-A03154B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ MẠNH CƯỜNG**
Ngày sinh: 21 - 02 - 1992
Thường trú: Đồng Nai

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 04 năm 2022
Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2022



VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING
ASSOCIATIONS
SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Chữ ký của người được cấp



Số hiệu chứng chỉ
1662229/VKHCN

Số vào sổ: 1662229
Ngày 22 tháng 06 năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHÚNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông: **LÊ TRẦN HOÀI NAM**

Ngày sinh: 09 - 02 - 1993

Quê quán: Quảng Bình

Đã tốt nghiệp khoá đào tạo về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Gạch và

Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường

Do Viện Khoa Học Công nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 06 năm 2016

Kết quả học tập: Đạt loại Khá



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. Phùng Văn Lưu



It is hereby certified that:

Mr. **Le Thanh Phuong**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In May + June 2009

Ref. N^o: 5280/2009/VKH - TNXD

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhân: Ông **Lê Thanh Phương**

Ngày sinh: **18/03/1986** - Quê quán: **Quảng Bình**

Cơ quan: Cty CP Kiểm Định Chất lượng công trình S9

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 13/5 đến ngày 04/6/2009

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2009

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Le Thanh Phuong**

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In March + April 2009

Ref. N^o: 4944 /2009/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Lê Thanh Phương**

Ngày sinh: **18/03/1986** - Quê quán: **Quảng Bình**

Cơ quan: Công ty CP Kiểm định chất lượng công trình 89

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

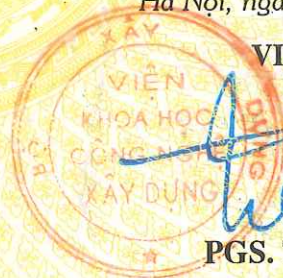
**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 10/3/2009 đến 01/4/2009

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2009

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: NGUYEN DINH HUY
Has successfully passed Training Course on
Method of determining the mechanical - physical properties of
construction soil, building materials, cement concrete, asphalt
concrete
In March 2021

Ref. No. 6482-A2116B/ITVD-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **NGUYỄN ĐÌNH HUY**
Ngày sinh: 05 - 11 - 2000
Thường trú: Đắk Lắk

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thi nghiệm về:
Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất xây dựng, vật liệu
xây dựng, bê tông xi măng, bê tông nhựa
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 03 năm 2021

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

M.S.D.N.0100521467-TC
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2021



Nguyễn Đình Huy

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiện

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that
Mr/Mrs: LE VAN SY
Has successfully passed Training Course on
Method of determining the mechanical - physical properties of
construction soil, building materials, cement concrete, asphalt
concrete
In March 2021

Ref. No: 6463-42097B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ VĂN SY**

Ngày sinh: 28 - 12 - 1996

Thường trú: Bình Định

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất xây dựng, vật liệu xây dựng, bê tông xi măng, bê tông nhựa

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 03 năm 2021

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2021



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiện

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: **VU LE HUNG**
Has successfully passed Training Course on
Field experiments, testing the chemical properties of water for construction
In August 2022

Ref.N^o:04533-A03429B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **VŨ LÊ HÙNG**

Ngày sinh: 22 - 11 - 1996

Thường trú: Đồng Nai

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất hóa học của nước cho xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 08 năm 2022

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2022



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: VU LE HUNG
Has successfully passed Training Course on
Method for determining chemical properties of construction materials
In June 2022

Ref.N^o:04279-A03243B/VNĐ-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **VŨ LÊ HÙNG**

Ngày sinh: 22 - 11 - 1996

Thường trú: Đồng Nai

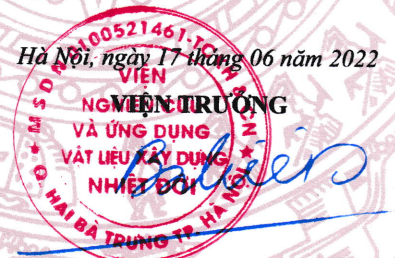
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Phương pháp xác định tính chất hóa học của vật liệu xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 06 năm 2022

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

CÔNG TRÌNH ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

Số 60/HĐTN

Biên Hòa, ngày 26 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG

(V/v Thí nghiệm kiểm định vật liệu và chất lượng thi công.)

Gói thầu số 03: Xây lắp + Trạm biến áp

Công trình: Xây dựng, cải tạo Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh

Địa điểm: Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

1. Căn cứ để ký kết hợp đồng:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII thông qua;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/ 2013 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định 63/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2023 chúng tôi gồm có:

2. Các bên ký kết hợp đồng:

2.1. Bên A

Tên giao dịch: Công ty TNHH Xây dựng Đỉnh Thịnh Phát

Đại diện : Ông **Phan Chí Hùng** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Lầu 1, số E74-75, KP1, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Điện thoại : 0251.6573507

Mã số thuế :

Số tài khoản : 67010000760159 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đồng Nai.

2.2 Bên B

Tên giao dịch : Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng C.Q.C

Đại diện : Ông **Nguyễn Đình Huy** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : B25, Đường D11, KP1, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại : 0967.666.899

Mã số thuế : 3602890796

Số tài khoản : 1019403529 Tại Ngân hàng SHB Biên Hòa - CN Đồng Nai

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A giao cho bên B thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng Gói thầu số 03: Xây lắp + Trạm biến áp thuộc công trình: Xây dựng, cải tạo Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh.

Khối lượng công việc dự kiến gồm: Toàn bộ phần thí nghiệm liên quan đến quá trình thi công và quản lý chất lượng của công trình.

Điều 2. Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật:

Chất lượng công việc do bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên ngành khác.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

3.1. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng

3.2. Hồ sơ tài liệu giao nộp cho bên A

Báo cáo kết quả thí nghiệm: 03 bộ

Điều 4. Giá trị hợp đồng:

4.1. Giá trị hợp đồng: 66.000.000 đồng. (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng).

Giá trị đã bao gồm thuế VAT 8%.

4.2. Tạm ứng và thanh toán:

Tạm ứng: Ngay sau khi ký hợp đồng, bên A sẽ Tạm ứng cho bên B 50% giá trị hợp đồng.

Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại cho bên B trước khi bên B bàn giao hoàn tất toàn bộ hồ sơ và cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính theo quy định.

Điều 5. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 6. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 7. Trách nhiệm hai bên:

7.1. Trách nhiệm của bên A

Cung cấp cho bên B đầy đủ các hồ sơ cần thiết của dự án, văn bản pháp lý liên quan đến công trình.

Cử cán bộ giám sát thi công ở hiện trường, theo dõi thi công và tiến độ

Thanh toán chi phí cho bên B theo các khoản chi phí được duyệt.

7.2. Trách nhiệm của bên B

Thực hiện đúng hợp đồng đã ký

Thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu Xây dựng và báo cáo kết quả thí nghiệm đúng theo quy trình quy định kỹ thuật hiện hành:

+ Lấy mẫu, vận chuyển và bảo quản mẫu và thí nghiệm phân tích mẫu theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

+ Đảm bảo tiến độ giao nộp hồ sơ theo quy định, đảm bảo chất lượng, đúng quy trình quy phạm kỹ thuật, đảm bảo các chế độ định mức đơn giá của Nhà nước quy định

Điều 8. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mọi sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng (nếu có) cần phải được hai bên bàn bạc thống nhất và ghi rõ bằng phụ lục hợp đồng mới có giá trị thực hiện. Tất cả các phụ lục hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời nội dung bản hợp đồng này

Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước

Hợp đồng này lập thành 04 bản có giá trị hiệu lực ngang nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Giám đốc

Phan Chí Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Giám đốc

Nguyễn Đình Huy

Số 17/HĐTN

Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2023

HỢP ĐỒNG

(V/v Thí nghiệm kiểm định vật liệu và chất lượng thi công.)

**Gói thầu số 03 (xây dựng): Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các
tuyến đường tỉnh vùng III (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú)**

1. Căn cứ để ký kết hợp đồng:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII thông qua;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số ngày 63/2013/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023 chúng tôi gồm có:

2. Các bên ký kết hợp đồng:

2.1. Bên A

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà TP HCM - Xí nghiệp CT7

Đại diện : Ông Trịnh Phan Duy Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp Công trình 7

Địa chỉ : 451/10, Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. HCM

Điện thoại : 0908633278

Mã số thuế : 0301986393

Số tài khoản :

2.2 Bên B

Tên giao dịch : Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng C.Q.C

Đại diện : Bà Mai Thanh Vân Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : B25, đường D11, KP. 1, P.Bửu Long, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.

Điện thoại : 0967.666.899

Mã số thuế : 3602890796

Số tài khoản : 1019403529 Tại SHB Biên Hòa - CN Đồng Nai

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A giao cho bên B thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, chất lượng Gói thầu số 03 (xây dựng): Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh vùng III (các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú).

Khối lượng công việc dự kiến gồm: Toàn bộ phần thí nghiệm liên quan đến quá trình thi công và quản lý chất lượng của công trình.

Điều 2. Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật:

Chất lượng công việc do bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên ngành khác.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

3.1. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

3.2. Hồ sơ tài liệu giao nộp cho bên A

Báo cáo kết quả thí nghiệm: 03 bộ

Điều 4. Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: 30.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn.

Giá trị đã bao gồm thuế VAT.

Điều 5. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Tạm ứng: Ngay sau khi ký hợp đồng, bên A sẽ Tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng.

Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại cho bên B trước khi bên B bàn giao hoàn tất toàn bộ hồ sơ và cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm hai bên:

6.1. Trách nhiệm của bên A:

Cung cấp cho bên B đầy đủ các hồ sơ cần thiết của dự án, văn bản pháp lý liên quan đến công trình.

Cử cán bộ kỹ thuật ở hiện trường, theo dõi thi công và tiến độ

Thanh toán chi phí cho bên B theo các khoản chi phí được duyệt.

6.2. Trách nhiệm của bên B:

Thực hiện đúng hợp đồng đã ký

Thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu Xây dựng và báo cáo kết quả thí nghiệm đúng theo quy trình quy định kỹ thuật hiện hành:

+ Lấy mẫu, vận chuyển và bảo quản mẫu và thí nghiệm phân tích mẫu theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

+ Đảm bảo tiến độ giao nộp hồ sơ theo quy định, đảm bảo chất lượng, đúng quy trình quy phạm kỹ thuật, đảm bảo các chế độ định mức đơn giá của Nhà nước quy định

Điều 7. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mọi sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng (nếu có) cần phải được hai bên bàn bạc thống nhất và ghi rõ bằng phụ lục hợp đồng mới có giá trị thực hiện. Tất cả các phụ lục hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời nội dung bản hợp đồng này

Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước.

Hợp đồng hết hiệu lực sau khi các bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng lập thành 06 bản có giá trị hiệu lực ngang nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc Xí nghiệp Công trình

7

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THẠM
XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH
451/10 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10
MST: 0301986393

Trịnh Phan Duy

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



Mai Thanh Vân

Số 15/HĐTN

Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2023

HỢP ĐỒNG

(V/v Thí nghiệm kiểm định vật liệu và chất lượng thi công.)

Công trình: Gói thầu số 01 (xây dựng): Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh vùng I (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh; các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc)

1. Căn cứ để ký kết hợp đồng:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII thông qua;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số ngày 63/2013/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023 chúng tôi gồm có:

2. Các bên ký kết hợp đồng:

2.1. Bên A

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà TP HCM - Xí nghiệp CT7

Đại diện : Ông **Trịnh Phan Duy Chức** vụ: **Giám đốc Xí nghiệp Công trình 7**

Địa chỉ : 451/10, Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. HCM

Điện thoại : 0908633278

Mã số thuế : 0301986393

Số tài khoản :

2.2 Bên B

Tên giao dịch : Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng C.Q.C

Đại diện : Bà **Mai Thanh Vân** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : B25, đường D11, KP. 1, P.Bửu Long, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.

Điện thoại : 0967.666.899

Mã số thuế : 3602890796

Số tài khoản : 1019403529 Tại SHB Biên Hòa - CN Đồng Nai

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A giao cho bên B thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, chất lượng Gói thầu số 01 (xây dựng): Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh vùng I (Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh; các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc).

Khối lượng công việc dự kiến gồm: Toàn bộ phần thí nghiệm liên quan đến quá trình thi công và quản lý chất lượng của công trình.

Điều 2. Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật:

Chất lượng công việc do bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên ngành khác.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

3.1. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

3.2. Hồ sơ tài liệu giao nộp cho bên A

Báo cáo kết quả thí nghiệm: 03 bộ

Điều 4. Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: 40.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn.

Giá trị đã bao gồm thuế VAT.

Điều 5. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Tạm ứng: Ngay sau khi ký hợp đồng, bên A sẽ Tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng.

Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại cho bên B trước khi bên B bàn giao hoàn tất toàn bộ hồ sơ và cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm hai bên:

6.1. Trách nhiệm của bên A:

Cung cấp cho bên B đầy đủ các hồ sơ cần thiết của dự án, văn bản pháp lý liên quan đến công trình.

Cử cán bộ kỹ thuật ở hiện trường, theo dõi thi công và tiến độ

Thanh toán chi phí cho bên B theo các khoản chi phí được duyệt.

6.2. Trách nhiệm của bên B:

Thực hiện đúng hợp đồng đã ký

Thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu Xây dựng và báo cáo kết quả thí nghiệm đúng theo quy trình quy định kỹ thuật hiện hành:

+ Lấy mẫu, vận chuyển và bảo quản mẫu và thí nghiệm phân tích mẫu theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

+ Đảm bảo tiến độ giao nộp hồ sơ theo quy định, đảm bảo chất lượng, đúng quy trình quy phạm kỹ thuật, đảm bảo các chế độ định mức đơn giá của Nhà nước quy định

Điều 7. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mọi sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng (nếu có) cần phải được hai bên bàn bạc thống nhất và ghi rõ bằng phụ lục hợp đồng mới có giá trị thực hiện. Tất cả các phụ lục hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời nội dung bản hợp đồng này

Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước.

Hợp đồng hết hiệu lực sau khi các bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng lập thành 06 bản có giá trị hiệu lực ngang nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc Xí nghiệp Công trình 7



Trịnh Phan Duy

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc



Mai Thanh Vân

Số 16/HĐTN

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

HỢP ĐỒNG

(V/v Thí nghiệm kiểm định vật liệu và chất lượng thi công.)

**Công trình: Xây dựng mở rộng cụm công nghiệp Phú Thạnh, huyện
Nhơn Trạch**

Địa điểm: Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

1. Căn cứ để ký kết hợp đồng:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII thông qua;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số ngày 63/2013/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Hôm nay, ngày tháng năm 2020 chúng tôi gồm có:

2. Các bên ký kết hợp đồng:

2.1. Bên A

Tên giao dịch: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Kiến Minh

Đại diện : Ông Nguyễn Quốc Điệp Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 19, đường D1, KP 7, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa,
T. Đồng Nai

Điện thoại : 02513.847184

Mã số thuế : 3601808559

Số tài khoản : 1196.44.79.79.79 Tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

– CN Nhơn Trạch

2.2 Bên B

Tên giao dịch : Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng C.Q.C

Đại diện : Bà Mai Thanh Vân Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : B25, Đường D11, KP1, P.Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : 0967.666.899

Mã số thuế : 3602890796

Số tài khoản : 5900201011970 Tại Agribank Đồng Nai

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A giao cho bên B thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng công trình: Xây dựng mở rộng cụm công nghiệp Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch.

Khối lượng công việc dự kiến gồm: Toàn bộ phần thí nghiệm liên quan đến quá trình thi công và quản lý chất lượng của công trình.

Điều 2. Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật:

Chất lượng công việc do bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên ngành khác.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

3.1. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng được thực hiện theo tiến độ của công trình từ ngày khởi công cho đến khi thi công xong công trình (120 ngày).

3.2. Hồ sơ tài liệu giao nộp cho bên A

Báo cáo kết quả thí nghiệm: 03 bộ

Điều 4. Giá trị hợp đồng và tạm ứng

4.1. Giá trị hợp đồng: 51.100.000 đồng. *(Bằng chữ: Năm mươi một triệu, một trăm ngàn đồng)*

Giá trị đã bao gồm thuế VAT.

4.2. Tạm ứng:

Ngay sau khi ký hợp đồng, bên A sẽ Tạm ứng cho bên B 50% giá trị hợp đồng.

Điều 5. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 6. Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán hết cho Bên B giá trị còn lại của hợp đồng ngay sau khi bên B bàn giao hoàn tất hồ sơ.

Điều 7. Trách nhiệm hai bên:

7.1. Trách nhiệm của bên A

Cung cấp cho bên B đầy đủ các hồ sơ cần thiết của dự án, văn bản pháp lý liên quan đến công trình.

Cử cán bộ giám sát thi công ở hiện trường, theo dõi thi công và tiến độ

Thanh toán chi phí cho bên B theo các khoản chi phí được duyệt.

7.2. Trách nhiệm của bên B

Thực hiện đúng hợp đồng đã ký

Thực hiện Thí nghiệm kiểm định vật liệu Xây dựng và báo cáo kết quả thí nghiệm đúng theo quy trình quy định kỹ thuật hiện hành:

+ Lấy mẫu, vận chuyển và bảo quản mẫu và thí nghiệm phân tích mẫu theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

+ Đảm bảo tiến độ giao nộp hồ sơ theo quy định, đảm bảo chất lượng, đúng quy trình quy phạm kỹ thuật, đảm bảo các chế độ định mức đơn giá của Nhà nước quy định

Điều 8. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mọi sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng (nếu có) cần phải được hai bên bàn bạc thống nhất và ghi rõ bằng phụ lục hợp đồng mới có giá trị thực hiện. Tất cả các phụ lục hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời nội dung bản hợp đồng này

Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước

Hợp đồng này lập thành 04 bản có giá trị hiệu lực ngang nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Giám đốc

Nguyễn Quốc Điệp

ĐẠI DIỆN BÊN B



Giám đốc

Mai Thanh Vân

MÁY MÓC THIẾT BỊ

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHỦ YẾU

STT	TÊN THIẾT BỊ CHÍNH	Xuất xứ	SL	Tình trạng sử dụng
1	Máy kéo nén uốn 1000KN Model: WA-1000B - TQ	TQ	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
2	Bộ gá uốn 2 điểm	VN	1	Sử dụng tốt
3	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYA-2000 - TQ	TQ	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
4	Máy cắt mẫu bê tông - T.TECH	VN	1	Sử dụng tốt
5	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	VN	1	Sử dụng tốt
6	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	VN	1	Sử dụng tốt
7	Máy nén vữa 300KN	TQ	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
8	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75, D150	VN	2	Sử dụng tốt
9	Phễu xác định độ xốp của cát, đá	VN	2	Sử dụng tốt
10	Bộ Thùng dung trọng	VN	1	Sử dụng tốt
11	Bảng màu chuẩn	VN	1	Sử dụng tốt
12	Bộ sàng cát tiêu chuẩn D300mm	TQ	1	Sử dụng tốt
13	Bộ sàng đất D300mm	TQ	1	Sử dụng tốt
14	Bộ sàng đá D300mm	TQ	1	Sử dụng tốt
15	Bộ sàng đá cấp phối D300mm	TQ	1	Sử dụng tốt
16	Bộ sàng cốt liệu BTN D300mm	TQ	1	Sử dụng tốt
17	Máy mài mòn Los Angeles	TQ	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
18	Thiết bị đo kim lún	TQ	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
19	Máy đo giãn dài nhựa	TQ	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
20	Máy chiết nhựa	TQ	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
21	Bộ dao vòng lấy mẫu đất, gồm Chày, Thanh dẫn, 3 lưỡi dao.	VN	1	Sử dụng tốt
22	Phễu rót cát hiện trường - T.TECH	VN	2	Sử dụng tốt
23	Cát chuẩn	VN	1	Sử dụng tốt
24	Bộ cần benkelman	VN	1	Hiệu chẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
25	Bộ tấm ép cứng	VN	1	Sử dụng tốt

STT	TÊN THIẾT BỊ CHÍNH	Xuất xứ	SL	Tình trạng sử dụng
26	Kích thủy lực 20T	VN	1	Hiệu chuẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
27	Đồng hồ đo biến dạng 10mm	VN	1	Sử dụng tốt
28	Máy khoan rút lõi	VN	1	Sử dụng tốt
29	Tủ sấy 300°C, dung tích 136lít; Model: 101-2; đồng hồ hiển thị kim	TQ	1	Hiệu chuẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
30	Cân điện tử 6kg x 0.1g	TQ	1	Hiệu chuẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027
31	Khuôn đúc mẫu bê tông	TQ	3	Sử dụng tốt
32	Khuôn đúc mẫu vữa	TQ	2	Sử dụng tốt
33	Thước kẹp cải tiến đo thoi dẹt	TQ	1	Hiệu chuẩn còn hiệu lực đến ngày 07/03/2027

- Máy tính, máy in và một số thiết bị thí nghiệm khác.
- Các máy móc thiết bị thí nghiệm có hóa đơn mua bán, xuất xứ thiết bị và được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24984

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ NÉN

COMPRESSION TESTING MACHINE

Kiểu : TYA-2000

Số hiệu : 136

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Range : (0÷1000);(1000÷2000) kN

Technical Specification

-Vạch chia / Division : 0,01; 0,1 kN

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Calibration Place

Phương pháp thực hiện / Method of calibration:

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L04-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24984

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

KHU VỰC 3

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24984
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số tương đối <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
200	200,201	-0,10	0,40
400	400,306	-0,08	0,40
600	600,544	-0,09	0,40
800	800,678	-0,08	0,40
1000	999,875	0,01	0,40
1200	1199,188	0,07	0,40
1400	1399,447	0,04	0,40
1600	1599,948	0,00	0,40
1800	1799,515	0,03	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 0,9995x + 0,3876$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 24979**

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ KÉO-NÉN

UNIVERSAL TESTING MACHINE

Kiểu : WA - 1000B

Số hiệu : 20170407

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Range : (0÷1000) kN

Technical Specification

-Vạch chia / Division : 0,01 kN

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, đường D11, KP. Bình Thành, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai

Calibration Place

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24979

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24979
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số tương đối <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
100	100,260	-0,26	0,40
200	200,241	-0,12	0,40
300	299,946	0,02	0,40
400	400,074	-0,02	0,40
500	500,323	-0,06	0,40
600	601,072	-0,18	0,40
700	702,189	-0,31	0,40
800	802,966	-0,37	0,40
900	902,287	-0,25	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0032x - 0,5067$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24978

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ NÉN

COMPRESSION TESTING MACHINE

Kiểu : TYA - 300

Số hiệu : 210514

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Range : (0÷300) kN

Technical Specification

-Vạch chia / Division : 0,01 kN

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Calibration Place

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐL VN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24978

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24978

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số tương đối <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
30	29,874	0,42	0,40
60	59,747	0,42	0,40
90	89,646	0,39	0,40
120	119,434	0,47	0,40
150	150,308	-0,20	0,40
180	180,868	-0,48	0,40
210	211,775	-0,84	0,40
240	241,515	-0,63	0,40
270	271,544	-0,57	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0081x - 0,6215$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24985

Tên phương tiện đo /Object: **MÁY THỬ ĐỘ MÀI MÒN LOS ANGELES**
 Kiểu MH-II Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Tốc độ quay danh nghĩa / Nominal speed : (30- 33) rpm
 Technical Specification

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C**
 Customer B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
 Nơi hiệu chuẩn : B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- TS02 : 2020
 Phương tiện đo có cơ cấu quay - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng / Standards Used : -KV3.TS01- Chuẩn Tần số
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03
 -Hiệu lực /Due date : 22/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 5) °C
 Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 20) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 24985

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/03/2027
 Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

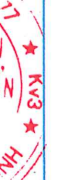
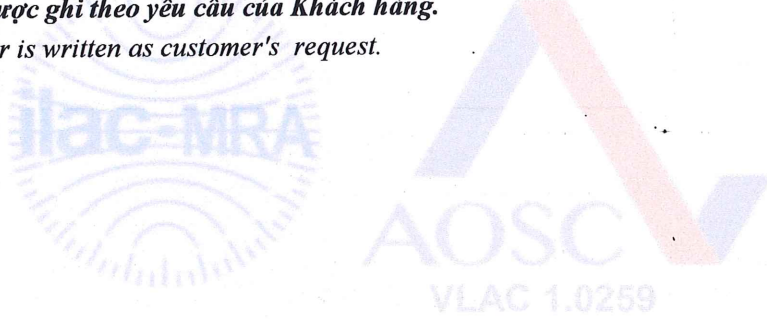
Hồ Thị Hiền

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24985
(Attached to certificate No)

Giá trị cài đặt/ Set Value (rpm)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (rpm)	Sai số Error (rpm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty $k = 2; P = 95\%$ (rpm)
30	31,6	-1,6	0,05

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thủ pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.
The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24980

Tên phương tiện đo / Object : **CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE**
 Kiểu : AHW Số hiệu : H176104 Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer : China
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 6.000 g
 Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 10,0 g
 - Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division : 0,2 g

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C**
 Customer B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn : B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019
 Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditions :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 24980

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/03/2027.

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

- Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director
Thị Hiền



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

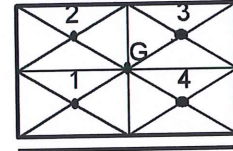
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24980
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=5000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
2.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
1.000	1.000,0	0,0	0,12
2.000	2.000,0	0,0	0,12
3.000	3.000,0	0,0	0,12
4.000	4.000,0	0,0	0,12
5.000	5.000,0	0,0	0,12
6.000	6.000,2	0,2	0,12

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24986

Tên phương tiện đo /Object:

TỦ NHIỆT
DRY OVEN

Kiểu : HN101-2
 Type

Số hiệu : 438
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
 Technical Specification

-Phạm vi đo /range: (0÷300) °C
 -Vạch chia /Division: 10 °C

Khách hàng :
 Customer

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC- NĐ03 : 2019

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
 Standards Used

-KV3.NĐ03- Chuẩn Nhiệt độ / Temperature standards
 -Hiệu lực /Due date : 14/11/2026

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03

Điều kiện môi trường :
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C
 -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 10) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion: Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 24986

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24986
(Attached to certificate No)

<i>Giá trị cài đặt/ Set Value (°C)</i>	<i>Giá trị chỉ thị/ Reading on tester (°C)</i>	<i>Giá trị chuẩn/ Reference Value (°C)</i>	<i>Sai số Error (°C)</i>	<i>Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty $k = 2; P = 95\%$ (°C)</i>
100	100	100,6	-0,6	5,81
200	200	201,4	-1,4	5,81

Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- **Giá trị nhiệt độ được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The temperature value is calibrated as the customer's requirement.
- **Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.**
The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24977

Tên phương tiện đo (Object):

THƯỚC CẶP
CALIPER SQUARE

Kiểu : RUD15
 Type

Số hiệu : /
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
 Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷150) mm
 -Vạch chia (Division) : 0,01mm

Khách hàng :
 Customer

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

ĐLVN 119 : 2003

Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
 Standards Used

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard
 -Dẫn xuất chuẩn (Traceability): CAL GROUP - ĐK 400
 -Hiệu lực (Due date) : 10/06/2026

Điều kiện môi trường :
 Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : 25,9 (25 ± 5) °C
 -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 24977

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Phó Thị Hiền

Trang/122ge

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24977
(Attached to certificate No)

Stt	Vị trí kiểm (Length test) (mm)	Giá trị đo được (Measurement) (mm)	Sai số (Error) (mm)	Độ không đảm bảo đo (The uncertainty of measurement) (mm)
1	0	0,00	0,00	0,01
2	10	10,00	0,00	0,01
3	20	20,00	0,00	0,01
4	50	50,00	0,00	0,01
5	100	100,01	0,01	0,01
6	150	150,01	0,01	0,01

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24981

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : FCY - 20150
 Type

Số hiệu : 278
 Serial N°

Nơi sản xuất : Nhật
 Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity : (0 ÷ 150) kN
 Technical Specification -Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 800) kg/cm²
 Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 20 kg/cm²

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Calibration Place

Phương pháp thực hiện / Method of calibration:

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
 Standards Used

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards
 -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
 -Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
 Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24981

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :
 Recalibration Date as Request of Customer

07/03/2027

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

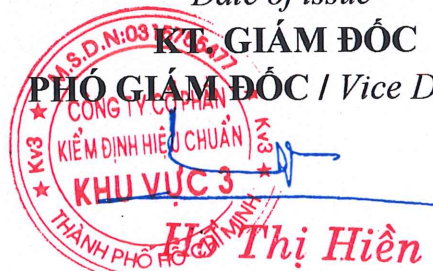
Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Trang/Page
 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24981
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	13,356	2,55
200	29,998	2,00
300	45,691	2,00
400	60,754	2,00
500	77,095	2,00
600	92,993	2,00
700	107,737	2,00
800	123,259	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,1551x - 0,747$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

The quantity values are calibrated as request of customer.

- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.

All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.

- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.

Recommended recalibration date as request of customer.

- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.

Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24988

Tên phương tiện đo /Object:

CÀN BENKELMAN
BENKELMAN BEAM

Kiểu : T12.004

Số hiệu :

150862

Nơi sản xuất :

Việt Nam

Type

Serial No

Manufacturer

Vietnam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Tỷ lệ /Ratio :

2 / 1 (2 m / 1 m)

Technical Specification

-Phạm vi đo đồng hồ /Measuring range :

10 mm

-Giá trị vạch chia /Division:

0,01 mm

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC- ĐD01 : 2019

Càn Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài

/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

CAL GROUP - ĐK 400

-Hiệu lực /Due date :

10/06/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(25 ± 5)

°C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity :

(50 ± 15)

%RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion: Sai số/Error: ± 1 % (Giá trị đọc/ of reading)

ĐKĐBĐ/ Uncertainty : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 24988

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

Vice Director



KHO Thị Hiền

Trang/Page

1 / 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24989

Tên phương tiện đo /Object:

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : / Số hiệu : 15509 Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo / range : (0÷10) mm
 Technical Specification -Vạch chia / Division : 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C**

Customer B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn : B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- ĐD03 : 2019
 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03
 -Hiệu lực /Due date : 21/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (20 ± 3) °C
 Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 15) %RH

Kết quả/ Results : Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm
 ĐKĐBĐ/ Uncertain : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label : KV3 - 24989

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/03/2027
 Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026
 Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dị An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24983

Tên phương tiện đo /Object: **MÁY CHIẾT NHỰA**
 Kiểu T16106 Số hiệu : 50904 Nơi sản xuất : Việt Nam
 Type Serial No Manufacturer Vietnam
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Tốc độ quay danh nghĩa / Nominal speed : 3600 rpm

Technical Specification

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C**
 Customer B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
 Nơi hiệu chuẩn : B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- TS02 : 2020

Phương tiện đo có cơ cấu quay - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng / Standards Used : -KV3.TS01- Chuẩn Tần số

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực /Due date : 22/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 5) °C

Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 20) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 24983

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1 / 2

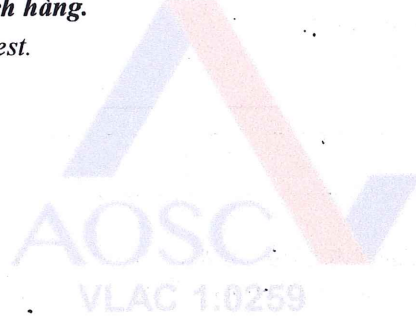
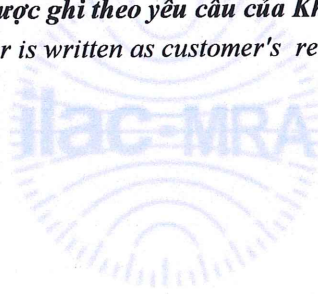
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24983
(Attached to certificate No)

Giá trị cài đặt/ Set Value (rpm)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (rpm)	Sai số Error (rpm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty $k = 2; P = 95\%$ (rpm)
3600	3615,0	-15,0	0,00

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn.
The calibration results are only valid in respectively calibrated condition.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



KV3



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24982

Tên phương tiện đo /Object:

DỤNG CỤ VICAT

VICAT

Kiểu : WKY-1000

Số hiệu : /

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo /range : (0÷70) mm

Technical Specification

-Vạch chia /Division : 1 mm

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC- ĐD02 : 2019

Dụng cụ Vicat - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: CAL GROUP - ĐK 400

-Hiệu lực /Due date : 10/06/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 5) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 15) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 24982

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24982
(Attached to certificate No)

<i>Stt</i>	<i>Vị trí kiểm Lenght test (mm)</i>	<i>Giá trị đo được Measurement (mm)</i>	<i>Sai số Error (mm)</i>	<i>Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (mm)</i>
1	0	0	0	0,58
2	5	5	0	0,58
3	10	10	0	0,58
4	20	20	0	0,58
5	30	30	0	0,58
6	40	40	0	0,58
7	50	50	0	0,58

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.

30/3
AN
IAN
3
MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24987

Tên phương tiện đo (Object): **THIẾT BỊ ĐO ĐỘ GIẢN DÀI NHỰA ĐƯỜNG**

ASPHALT DUCTILITY TEST APPARATUS

Kiểu : SY-1.5B Số hiệu : 1702522A Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range): (0 ÷ 1500) mm
 Technical Specification -Vạch chia (Division): 1 mm

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C**
 Customer B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn : B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : Đo trực tiếp/ Direct comparison

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn sử dụng (Standards):
 Standards Used Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
 Thước chuẩn 1m / Steel rule

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C
 Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Sai số / Error : +1 mm

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : KV3 - 24987

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

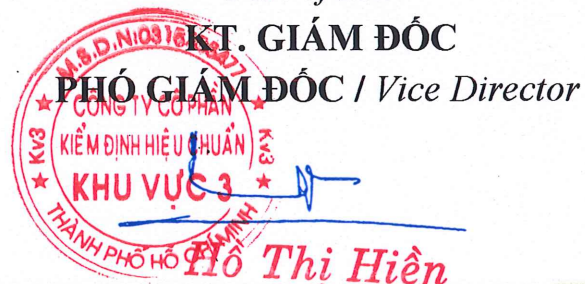
TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24990

Tên phương tiện đo (Object):

THIẾT BỊ THỬ CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG
BẰNG PHƯƠNG PHÁP BẬT NẤY

Kiểu : N - 34
 Type

Số hiệu :
 Serial No

155271

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) : (10 ÷ 100) R

Technical Specification -Giá trị vạch chia (Division) : 2 R

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nẩy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : - Đe hiệu chuẩn trị số bật nẩy 80 R

Standards Used by using calibration anvil 80 R

Điều kiện môi trường : - Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23± 2) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 24990

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/03/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24990
(Attached to certificate No)

Kết quả Results	R ₁	R ₂	R ₃	R ₄	R ₅	RTB	Sai số tuyệt đối (Δ)
	82	80	80	82	81	81	1

Độ không đảm bảo đo (Expand Uncertainty) : U = 0,71

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
 ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24976

Tên phương tiện đo:

MÁY DÒ CỐT THÉP

Object

Kiểu : GW50(+)

Số hiệu : 2701224

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Measuring range : 180 mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 1 mm

Khách hàng :

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG C.Q.C

Customer

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Nơi hiệu chuẩn :

B25, Đường D11, KP. Bình Thành, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

Calibration Place

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD13 : 2019

Máy dò cốt thép - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Bộ căn mẫu song phẳng cấp 1 (Gauge block grade 1)

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (60 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Sai số (Error) : ± 1 mm

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 24976

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

07/03/2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration) :

07/03/2027

TP.HCM, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

GIỚI THIỆU PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

	
<p>Giàn khoan X-Y 100 Xuất xứ: Trung Quốc</p>	<p>Máy dò cốt thép Xuất xứ: Thụy sĩ</p>
	
<p>Máy toàn đạc điện tử Topcon GTS-235N Xuất xứ: Topcon</p>	<p>Súng bật nảy Xuất xứ: Thụy sĩ</p>
	
<p>Máy thủy bình Xuất xứ: Leica</p>	<p>Máy thử độ mài mòn Los angeles Model: MH-1 (Code: TTE00635) Xuất xứ: XIYI – Trung Quốc</p>

GIỚI THIỆU PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

	
<p>Model: TTE00658/TTE00659 Xuất xứ: T-TECH – Việt Nam</p>	<p>Tủ sấy Model: 101-1(Code: TTE00002)</p>
	
<p>Bộ sàng tiêu chuẩn các cỡ Xuất xứ: Trung Quốc</p>	<p>Phễu xác định KLTT xếp của cát Model: TTE00750 Xuất xứ: T-TECH – Việt Nam</p>
	
<p>Máy thử nghiệm CBR Model: TTE 00830 Xuất xứ: T-TECH - Việt Nam</p>	<p>Máy khoan lấy mẫu D100 Model : TTE01392 Xuất xứ: T-TECH - Việt Nam</p>
	
<p>MÁY NÉN BÊ TÔNG 2000KN Model: TYA-2000 (Code: TTE01026) Xuất xứ: LUDA – Trung Quốc</p>	<p>Khuôn đúc mẫu bê tông Xuất xứ: T-TECH – Việt Nam</p>

GIỚI THIỆU PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

	
<p>Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: JJ-5 (Code: TTE01683) Xuất xứ: XIYI – Trung Quốc</p>	<p>Dụng cụ VICA Model: TTE01582 Xuất xứ: T-TECH - Việt Nam</p>
	
<p>Máy kéo thép 1000KN JINGYUAN Model: WE-1000B (Code: TTE01923)</p>	<p>Dụng cụ dùng chung các loại</p>
	
<p>Dụng cụ thủy tinh</p>	<p>Phễu rót cát Model: TTE02285 Xuất xứ: T-TECH – Việt Nam</p>
	
<p>Bộ cân Benkenman Model: TTE00999 Xuất xứ: T-TECH – Việt Nam</p>	<p>Hộc đựng các kích cỡ Xuất xứ: T-TECH – Việt Nam</p>

